

Số: 11/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Ly Mí H, sinh năm 2004; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Nông dân; số CCCD: 002204011760 do Cục C - BCA cấp ngày 15/01/2023; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị Vàng Thị S, sinh năm 2006; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Nông dân; số CCCD: 002306005348 do Cục C - BCA cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/01/2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/01/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ly Mí H và chị Vàng Thị S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ly Mí H và chị Vàng Thị S nhất trí thuận tình ly hôn (theo trích lục kết hôn số: 458/2024/TLKH-BS ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Anh H, chị S xác nhận có 01 con chung là Ly Minh N, sinh ngày 21/8/2024, sau khi ly hôn anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Ly Minh N cho đến khi đủ 18 tuổi; chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H, chị S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai hay ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Ly Mí H và chị Vàng Thị S.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV8, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang (cơ sở 2);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**THẨM PHÁN**

(đã ký và đóng dấu)

**Đoàn Ngọc Vĩnh**